TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 600/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2024
"V/v Tranh chấp HNGĐ - xin ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Chí Bền
Ông Lê Phú Quốc

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2024/TLST - HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2024 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình - xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 419/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Thùy N - sinh năm: 1979. Có mặt.
Địa chỉ: H, đường N, khu phố C, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.
- *Bị đơn*: Anh Danh T - Sinh năm: 1972. Vắng mặt.
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Trần Thị Thùy N trình bày:

Chị và anh Danh T tự tìm hiểu nhau khoảng 01 năm, bắt đầu chung sống như vợ chồng vào năm 1996. Anh chị không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp tính ý, đã sống ly thân từ năm 1997 cho đến nay, mâu thuẫn không thể hàn gắn, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Danh Chí N1 - sinh năm: 1996. Hiện con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, triệu tập tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh T không nộp bản tự khai cho Tòa án, không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy.

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Thùy N khởi kiện xin ly hôn với anh Danh T. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện G nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T với tư cách là bị đơn, đã được Tòa án cấp, tống đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy N và anh Danh T bắt đầu chung sống như vợ chồng vào năm 1996, đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị N có yêu cầu xin ly hôn nên áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Thùy N và anh Danh T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Danh Chí N1 - sinh năm: 1996. Hiện đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị N phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002924 ngày 13/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Thùy N và anh Danh T là vợ chồng.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị N phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002924 ngày 13/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, chị N được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 27/9/2024, anh T được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An